

**TÌNH HÌNH VĂN BẢN THƠ NÔM NGUYỄN BÌNH KHIÊM
HIỆN LƯU TRỮ TẠI THƯ VIỆN VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM HÀ NỘI**

Phạm Thị Hà Châu

NCV. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội

1/ ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Nguyễn Bình Khiêm sinh năm Tân Hợi (1491) còn có tên là Văn Đạt, tên chữ là Hanh Phủ, hiệu là Bạch Vân cư sĩ, người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, Hải Dương (nay là xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng). Ông sinh ra trong một gia đình nho học nhưng không quyền thế, chỉ có ông ngoại Nhữ Văn Lan làm đến chức Thượng thư bộ Hộ. Thân phụ ông là Thái Bảo Nghiêm Quận công Nguyễn Văn Định, thân mẫu là bà Nhữ Thị Thục, con gái quan Thượng thư Nhữ Văn Lan. Từ nhỏ Nguyễn Bình Khiêm mặt mũi khôi ngô tuấn tú, tư chất thông minh hơn người, lên năm tuổi được mẹ dạy cho kinh sách, truyền miệng cho thơ văn chữ Nôm. Ông học đâu nhớ đấy, không quên chữ nào. Lớn lên, ông theo học cụ Bảng Nhãn Lương Đắc Bằng ở làng Lạch Triều, huyện Hoàng Hoá (Thanh Hoá). Ông sáng dạ, thông minh lại học hành chăm chỉ nên được thầy rất khen ngợi. Nhưng mãi đến năm 1534, khi ông 43 tuổi mới đi thi và đỗ ngay Giải Nguyên. Năm sau đi thi Hội lại đỗ Hội nguyên, đi thi Đình, đỗ ngay Trạng nguyên.

Nguyễn Bình Khiêm sinh vào thời Lê Thánh Tông (Hong Đức thứ 21). Đến năm 1505, Lê Uy Mục nối ngôi “Vua thích uống rượu, ham giết người, hiếu sắc, giết hại tôn thất, giết cả tổ mẫu, họ ngoại chuyên quyền, trăm họ oán giận. Người đời gọi là vua quỷ, điềm loạn hiện ra từ đây” (Ngô Sĩ Liên,

Đại Việt sử ký toàn thư, g.4, tr.41). Năm đó Nguyễn Bình Khiêm 15 tuổi. Lê Tương Dực lên ngôi năm 1509, khi Nguyễn Bình Khiêm 19 tuổi, vua “ham chơi mà không quyết đoán, việc thổ mộc bừa bãi, nhân dân thất nghiệp, trộm cướp nổi dậy, nguy vong là bởi ở đấy” (Ngô Sĩ Liên). Vua cho thầy học Nguyễn Bình Khiêm là Bảng nhãn Lương Đắc Bằng làm Lại bộ Tả thị lang.

Năm Nguyễn Bình Khiêm 37 tuổi, Mạc Đăng Dung xưng ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Minh Đức, lấy Hải Dương làm Dương kinh, truy tôn tổ 7 đời là Mạc Đĩnh Chi làm “Kiến thủy khâm minh Văn hoàng đế”. Vua Mạc đức tiền mới bằng kềm để ban bố cho các xứ tiêu dùng, sai sứ sang Yên Kinh dâng biểu xin thần phục cống nạp nhà Minh. Đến năm 1529, nhà Mạc mở khoa thi Hội, lấy được 26 Tiến sĩ. Sau 3 năm giành được ngôi vua, Mạc Đăng Dung tự thấy mình tuổi già, bèn truyền ngôi cho con trưởng là Đăng Doanh, tự xưng là Thái Thượng hoàng, bấy giờ Mạc Đăng Dung mới 47 tuổi. Đăng Doanh lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Đại Chính thứ nhất. Đến năm 1535, triều đình mở khoa thi Hội, Nguyễn Bình Khiêm, Bùi Khắc Đốc, Nguyễn Thừa Hưu đỗ Tiến sĩ cập đệ, có 7 Tiến sĩ xuất thân và 22 đồng tiến sĩ xuất thân. Trong thời Thái Tông nhà Mạc, Nguyễn Bình Khiêm có làm hai bài thơ *Xuân thiên ngự tửu*, đều dự hạng ưu, rồi ông được thăng chức Hữu thị lang Bộ hình, một thời gian ngắn sau lại thăng chức Tả thị lang kiêm Đông các Đại học sĩ.

Trong 8 năm ở triều, ông có dâng sớ xin chém 18 tên lộng thần, bởi vì bản tâm ông chỉ muốn trăm họ đều được an vui nhưng rồi gặp phải con rể là Phạm Dao ý thế lộng hành, vì sợ liên lụy đến mình, ông cáo quan về trí sĩ. Giữa năm Quảng Hòa thứ 2 (1542), Nguyễn Bình Khiêm mới 52 tuổi đã treo mũ về làng, dựng am Bạch Vân và vẫn lấy danh hiệu là Bạch Vân cư sĩ. Bấy giờ, ông có bắc hai chiếc cầu Nghinh Phong và Trường Xuân để hóng mát, dựng một ngôi quán gọi là Trung Tân bên bến Tuyết Giang.

Trong thời gian ẩn dật ở chốn gia hương tuy không tham dự triều chính nhưng nhà Mạc vẫn kính trọng ông như một bậc thầy, những việc trọng đại trong triều ngoài nội đều sai sứ giả về hỏi, lại có khi đón cả lên kinh thành, ông đều ung dung chỉ dẫn. Việc xong ông lại trở về am cũ, nhà Mạc có giữ cũng không được. Về sau ông được liệt vào hàng Đệ nhất công thần, phong tước là Trình Tuyên hầu, dân thăng đến chức Thượng thư bộ Lại, Thái phó Trình quốc công, ông bà hai đời cũng được phong ấm, ba người thê thiếp và bảy người con cũng theo thứ tự được phong hàm.

Vào năm Diên Thành thứ 8 đời Mạc Mậu Hợp (1585), tức năm Êt Dậu, tháng 11 thì ông lâm bệnh. Mạc Mậu Hợp sai sứ đến vấn an và hỏi về quốc sự. Ông chỉ trả lời rằng: “Tha nhật quốc hữu sự cố, Cao Bằng tuy tiểu khả duyên sở thế” nghĩa là “Sau này quốc gia hữu sự thì đất Cao Bằng tuy nhỏ nhưng cũng thêm được mấy đời”. Cách 7 năm sau thì nhà Mạc mất, các chúa nhà Mạc như Càn Thống, Long Thái, Thuận Đức, Vĩnh Xương rút lui lên giữ Cao Bằng được 70 năm nữa.

Giữa ngày 28 tháng 11 năm ấy thì ông tạ thế (năm Diên thành thứ 8 đời Mạc Mậu Hợp) hưởng thọ 95 tuổi. Học trò suy tôn ông là Tuyết Giang phu tử, phần mộ ở trên một gò đất trong làng.

Nói đến Nguyễn Bình Khiêm, hầu như mọi người đều nhất trí rằng, ông là một nhà thơ tiêu biểu nhất, một nhà trí thức có uy tín nhất của thế kỷ XVI. “Ông là một tín đồ Nho giáo trung thành với thuyết “tam cương ngũ thường” của Khổng Mạnh nhưng ông không phải là một trí thức Nho giáo cố chấp. Như mọi nhà nho khác, ông cũng theo thuyết “trung quân” nhưng không phải là trung với bất cứ một ông vua nào, dù ông vua ấy hèn kém, thất đức, sa đoạ. Nguyễn Bình Khiêm không ngu trung, ông chỉ tôn thờ những vị vua anh minh, sáng suốt. Việc ông ra làm quan với nhà Mạc chính là một hành động xuất phát từ một quan niệm quân thần không cố chấp, không câu nệ và đó cũng là xuất phát từ tấm lòng yêu nước thương dân của Trạng

Trình”. Như chúng ta đã biết, Nguyễn Bình Khiêm sinh ra và lớn lên vào lúc triều đình nhà Lê đã suy vong, thối nát. Ờ tuổi trưởng thành, ông đã tận mắt chứng kiến sự sa đoạ tàn bạo của các vua Lê Uy Mục, Lê Tương Dực bị người đời gọi là “vua lợn” “vua quỷ”. Trong tình hình nội loạn xảy ra liên miên, tuy học giỏi nhưng ông quyết định không ra thi làm quan mà ở ẩn dạy học. Ông không ra thi thố tài năng giúp nước ấy là vì ông không muốn phục vụ cho một triều đại đã bắt đầu đổ nát. Chúng ta có thể coi đây là một hành động đúng đắn trong thái độ xuất xử của nhà thơ, đối lập hoàn toàn với quan niệm “ngu trung” của nho giáo. Trước thế sự đảo điên, ông tự thấy mình bất lực không xoay chuyển nổi tình thế, ông chủ trương sống an nhàn, xa lánh với cuộc đấu tranh xã hội, để mặc cho thế cuộc xoay vần. Nhưng bên cạnh tâm lý muốn sống an nhàn, lòng nhà thơ vẫn canh cánh lo cho thế sự. Trong con người ông vẫn có niềm mong ước được nhập thế, được đem cái tài của mình ra giúp dân giúp nước.

Trong 8 năm tại triều (1535-1542), ông làm quan đến chức Tả thị lang. Nguyễn Bình Khiêm hy vọng vào cải cách của họ Mạc và muốn ra tay giúp nước giúp dân. Nhưng con cháu Mạc Đăng Dung đã sớm đi vào vết xe đổ của những ông vua bất tài, ham hưởng lạc khiến cho Nguyễn Bình Khiêm sau 8 năm phục vụ tân triều đã phải trở về bầu bạn với thiên nhiên, với mây trời sông nước, quên đi những bất công của xã hội đương thời.

2/ GIỚI THIỆU TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN BÌNH KHIÊM

a/ Tác phẩm chữ Hán:

Nguyễn Bình Khiêm làm thơ theo nhiều thể tài. Thơ chữ Hán có thất ngôn, ngũ ngôn, cổ thể hoặc Đường luật. Các đề tài như vịnh cảnh, vịnh vật, cảm thán, ngôn hoài, ngôn chí...nói chung vẫn là những đề tài truyền thống trong văn học chữ Hán. Nhưng cũng có trường hợp cá biệt, ông sử dụng loại thơ ngũ ngôn trường thiên như bài *Trung Tân quan trì*, *Ngụ hứng*, *Tăng thứ*,

Quan kỳ cổ ý, Quan ngư, Thương loạn, Cảm hứng... bài ngắn chừng vài chục câu, bài dài tới vài trăm câu, đều đi vào những đề tài ít thấy trong thơ thời trước. Nội dung, ông đã phê phán bọn vua quan tham tàn bạo ngược, miêu tả nỗi thống khổ của nhân dân vì chiến tranh phi nghĩa, hoặc phản ánh sự biến động của nhân tâm thế đạo trong sự biến động của chế độ phong kiến. Bài *Cảm hứng* dài 300 câu, đầy tính bi tráng của sự biến thiên vũ trụ nhân sinh thông qua cách nhìn khái quát của một triết gia. Loại thơ *Trường thiên* trong tập thơ chữ Hán *Bạch Vân am thi tập* đã xuất hiện như là một hiện tượng văn học mới.

Nguyễn Bình Khiêm là người làm thơ Đường thành thạo, trong thơ Đường luật, ông sáng tác cả thất luật và ngũ luật. Theo bài tựa *Bạch Vân am thi tập*, tập thơ của tác giả có “cả thảy một nghìn bài, biên tập thành sách, tự đặt tên là tập thơ *Bạch Vân*”.

Bàn về thơ văn Nguyễn Bình Khiêm, Vũ Khâm Lân viết: “Văn chương của ông rất tự nhiên, không gò gẫm, đơn giản mà khoáng đạt, đậm bạc mà có ý vị, đều có liên quan đến việc dạy đời”. Phan Huy Chú cũng viết: “Một ngàn bài thơ trong *Bạch Vân am thi tập*, đại để là thanh tao, tiêu sái hồn hậu, phong nhã, có ý thú tự nhiên”. Đó cũng là đặc điểm trong phong cách thơ chữ Hán của ông.

Trong lời tựa tập thơ chữ Hán *Bạch Vân am thi tập*, ông viết: “Làm thơ tất là để nói cái chí, có người chí ở đạo đức, có người chí ở công danh, có người chí ở ẩn dật. Tôi lúc trẻ nhờ được giáo huấn của gia đình, lớn lên làm quan, lúc về già chí muốn ẩn dật, hoặc thích cái đẹp sơn thủy hoặc vui cái mỹ lệ hoa trúc, hoặc mượn sự việc mà tự thuật, hết thảy đều nói đến cái chí”. Nguyễn Bình Khiêm sinh ra không phải đã là một nhà thơ nhàn dật. Hành đạo, nhập thế là phương châm hành động của người quân tử. Làm thơ với kẻ sĩ phu là để nói lên cái chí của mình. Nguyễn Bình Khiêm còn là một nhà

hiền triết, tinh thông lý số, nắm chắc được thời thế, cái tâm cái tài của ông trước hết không phải lo cho ông mà là vì nhân dân, vì xã tắc, vì trăm họ.

Bạch Vân am thi tập tái hiện một hình ảnh và tâm chí của một nhà nho hành đạo, có hoài bão kinh bang tế thế, đã 30 năm nhập cuộc nhưng không thành công, cuối cùng, cũng như Chu An xưa, ông từ quan về làm bạn với gió trăng, sông nước, cỏ cây, chim muông.

b/ Tác phẩm chữ Nôm:

Sự ra đời của *Trình quốc công Bạch Vân thi tập* (BVTT)

BVTT là tập thơ quốc âm của Bạch Vân cư sĩ, vốn có tên gọi *Bạch Vân quốc ngữ thi* đã từng được nhắc đến trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú. ở phần *Văn tịch chí*, loại thi văn, ông viết: “*Bạch Vân quốc ngữ thi*, 2 quyển, Nguyễn Bình Khiêm soạn. Tác phẩm được sáng tác trong thời kỳ tác giả thoái quan về ở ẩn (1542). Hai từ “Bạch vân” chỉ sự ẩn dật, khác với “Thanh vân” là thi đỗ. Đầu tập thơ có ghi rõ: “Khi về trí sĩ, sáng tác *Bạch Vân am thi tập* dùng lối thơ quốc âm theo luật dài ngắn. Tiếc thay, bản gốc 2 quyển *Bạch Vân quốc ngữ thi* hiện nay không còn, chúng ta không thể biết đích xác trong hai quyển ấy có cả thảy bao nhiêu bài.

Thơ Quốc âm của ông chỉ còn ngót 180 bài, được chép trong nhiều ký hiệu sách của thư viện Viện nghiên cứu Hán nôm tại Hà Nội: *Trình Quốc công Bạch vân thi tập* (kí hiệu AB.309, AB.157), *Trình quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập* (kí hiệu AB.635). Loại chép được 100 bài có 2 sách AB.157 và AB.309. Loại chép được trên 170 bài có 1 sách (AB.635). Theo như chúng tôi được biết, thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm chưa từng được khắc in, cho nên những sách chép thơ Nôm của ông hiện còn đều là sách chép tay và do người đời sau sao chép lại. Do đó nên việc tam sao thất bản hay việc sao chép nhầm lẫn, thêm bớt theo ý kiến chủ quan của người sao chép là hiện tượng thường thấy ở những văn bản chép tay. Trong tình hình đó, đòi hỏi một sự phiên âm, khẳng định số lượng bài thơ chính xác trên nền văn bản không

chuẩn xác là một việc làm khó khăn, nếu không muốn nói là không thể thực hiện được. Chúng ta, những người đời sau, chỉ biết trân trọng gìn giữ và tìm hiểu, nghiên cứu từ những văn bản còn lại ấy mà thôi khi một văn bản gốc có niên đại tin cậy không còn.

Ngoài ra còn hai tập Sấm ký và thơ Nôm viết theo thể lục bát là *Trình quốc công sấm ký*, *Trình tiên sinh quốc ngữ*, nhưng thực chất có đúng là tác phẩm của Nguyễn Bình Khiêm hay không thì còn phải xác minh nhiều về mặt văn bản.

3/ CÁC TRUYỀN BẢN CỦA BẠCH VÂN THI TẬP

Tất cả các văn bản BVTT còn truyền lại đến nay đều là bản chép tay, tồn tại dưới hai hình thức:

a/ Loại ghi chép được trên 170 bài: có 1 sách

Trình quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập, ký hiệu AB.635 (chúng tôi gọi là bản A). Bản AB.635 cỡ 26x14 gồm 76 trang, chữ viết bán thảo. Sách rách một vệt sát mép ngoài làm mất nhiều chữ, có trang mất gần hết một số câu. Phần nội dung của sách là 178 bài thơ Nôm được chép từ phải qua trái, mỗi trang khoảng 6 cột, mỗi cột 3 câu. Tuy nhiên tình trạng rất lộn xộn có lẽ do sơ suất của người đóng quyển. Sách này hiện đóng nhầm trang, từ bài 1 đến bài 48 được chép từ trang 15 đến trang 32, từ bài 49 đến bài 86 được chép từ trang 1 đến trang 14. Từ bài 87 đến bài 176 được chép từ trang 33 đến trang 66. Hai bài 177-178 được chép ở cuối trang 66 và đầu trang 69. Phần còn lại chép bài tựa của sách *Hiệu Tân thi tập* và một số thơ chữ Hán của Kỳ Đồng.

b/ Loại ghi chép được 100 bài: gồm 2 sách

- *Trình quốc công Bạch Vân thi tập*, ký hiệu AB.309 (chúng tôi gọi là bản B) bản AB.309 cỡ 22x13, gồm 94 trang, chữ viết bán thảo, có chỗ bị nát mất chữ, chép 100 bài thơ Nôm.

- *Trình quốc công Bạch Vân thi tập*, ký hiệu AB.157 (gọi là bản C) sách này cỡ 33x23, có 44 trang, chữ viết chân phương, dễ đọc nhưng chỉ chép 100 bài. Bản này có lẽ là chân hoá của bản B.

Loại thứ hai này chịu ảnh hưởng của mô típ bách thủ, bách vịnh trong thơ cổ. Nếu tập thơ chỉ có 100 bài thì những bài như sau lẽ nào lại không phải là thơ của Nguyễn Bình Khiêm:

*Rất nhân sinh bảy tám mươi
Làm chi lão đảo nhọc lòng người.
Bạch vân am vắng chim kêu muộn
Kim tuyết dòng thanh cá mát tươi.
Ưu ái một niềm hằng nhớ chúa
Công danh hai chữ đã nhường người.
Giàu miễn khó, yên đời phận
Rất nhân sinh bảy tám mươi. (b.117)*

*Mây nổi chiêm bao có thấy đâu
Lâng lâng từng trải sự sang giàu.
Sao đời vật đổi trong nền tướng
Nước chảy hoa bay áng cửa hầu
Sự thế cuộc cờ đâu miễn được
Lòng người sóng bể cạn thì sâu
Nói nên chãng chớ làm chi nữa
Lẩn thẩn thì nên kẻ bạc đầu. (b.107)*

*Làm người có đại mới nên khôn
Chớ đại ngậy chi chớ quá khôn.
Khôn được ích mình, đừng rẻ đại
Đại thì giữ phận chớ tranh khôn.*

*Khôn mà hiểm độc là khôn dại
Dại vốn hiền lành ấy dại khôn.
Chớ cậy rằng khôn khinh kẻ dại
Gặp thời dại cũng hoá nên khôn. (b. 102)*

*Làm chi nghĩ ngợi nhọc tinh thần
Đắc thú thanh nhàn ấy dưỡng thân.
Đừng đỉnh hôm mai chơi nước trí
Nghêu ngao ngày tháng dạo non nhân.
Kìa kìa Lã Vọng câu Bàn thạch
Nọ nọ Nghiêm Quang nấu Phú Xuân.
Mừng thấy thời vận đời mở trí
Thái bình thiên tử thái bình dân. (b.142)*

*Ngoài bốn mươi tuổi khoẻ triều quan
Ta tuổi bốn mươi kể thực nhân.
Thơ có ngàn lại ngâm bính lộc
Sách chẳng hai thừa hiến Điền Đan.
Miễn theo phu tử phò thiên tử
Thìn lộn nhân gian ở thế gian.
Người thế mà cười rằng bất bả
Nước nhà chín thực ấy nhà an. (b.144)*

Cho đến nay chúng tôi tìm thấy ở thư viện Viện nghiên cứu Hán nôm ba văn bản có chép thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm có tên:

1/ *Bạch vân thi tập* kí hiệu AB.157, 44 trang, loại sách do trường Viễn Đông bác cổ trước đây thuê chép, trang đầu ghi: “Bạch Vân thi tập, dùng thể thơ trường đoản quốc âm, gồm 100 bài, do Tiến sĩ đệ nhất giáp đệ nhất danh

khoa Ất Mùi, niên hiệu Đại Chính thứ sáu nhà Mạc (1535) là Trình quốc công biên soạn.

2/ Bản *Trình quốc công Bạch Vân thi tập*, ký hiệu AB.309, 98 trang, trang đầu ghi: “Tiến sĩ đệ nhất giáp đệ nhất danh khoa Êt Mùi niên hiệu Đại chính nhà Mạc là Trình quốc công biên soạn *Bạch Vân thi tập*, gồm 100 bài, dùng thể thơ trường đoản quốc âm”.

3/ Bản *Trình quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập*, ký hiệu AB.635, chữ viết đá thảo, rách nát, số trang nhầm lẫn do bồi vá sửa chữa. Trang đầu chép: “Thuở ông còn nhỏ, có viên quan huyện ở đó đi chơi, gặp ông bèn ra câu đối rằng: “Sáu bảy đứa trẻ, chẳng đứa nào khá bằng mày”. Ông liền ứng khẩu đối ngay: “Hai ngàn học lương, không ông nào tham như ông (sau đổi chữ “tham” thành chữ “liêm”). Khi lớn lên, nổi tiếng danh vọng, từng ra làm quan rồi lui về ở ẩn, ông biên soạn tập *Bạch vân am thi tập*, gồm 100 bài, dùng thể thơ trường đoản quốc âm”.

Cả ba bản đều thống nhất với nhau là chép liền một mạch từ bài 1 đến bài 100, không bài nào có tên. Thứ tự từng bài cũng giống nhau gần như hoàn toàn. Cả ba bản đều thống nhất ghi tên tập thơ là *Bạch Vân thi tập* hoặc *Bạch Vân am thi tập*, nghĩa là trùng với tên tập thơ chữ Hán của Nguyễn Bình Khiêm. Phải chăng phần thơ Nôm của tác giả trước đây chép cùng với phần thơ chữ Hán. Chính tác giả đã viết: “Tôi lúc nhỏ được gia đình dạy dỗ, lớn lên đứng vào hàng sĩ phu, đến khi về già thì ham thích nhàn tản, ẩn dật, vui cảnh non nước, vụng nghề làm thơ. Tuy vậy cái bệnh ham thơ lâu ngày tích lại chưa chữa được, mỗi khi thư thả lại nảy hứng ngâm vịnh, thấy thấy đều ghi lại thành thơ nói về chí, tất cả được ngàn bài, biên tập thành sách, tự đặt tên là *Bạch Vân thi tập*”.

Nguyễn Bình Khiêm chỉ nói là ông làm được ngàn bài thơ, không nói rõ là thơ chữ Hán hay chữ Nôm. Sau đó hơn một thế kỷ, người đồng hương với ông là Vũ Khâm Lân (người làng Ngọc Lạc, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải

Dương, thi đỗ Tiến sĩ năm 1727) có dịp đến thăm lại làng quê Nguyễn Bình Khiêm rồi viết *Bạch Vân am phả ký*. Trong bài phả ký này, Vũ Khâm Lân lại ghi rõ thêm, tập thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm mang tên là *Bạch Vân thi tập*. “Ông làm rất nhiều thơ phú quốc ngữ, biên soạn ra *Bạch Vân thi tập*, được hơn ngàn bài thơ, nay chỉ còn truyền lại 100 bài”. Theo TS. Nguyễn Tá Nhí, suốt trong một khoảng thời gian dài từ khi ra đời cho đến giữa thế kỷ XVIII, khi Vũ Khâm Lân viết Phả ký, tập thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm lưu truyền ở đời với tên gọi: *Bạch Vân thi tập*. Mãi đến khi Lê Quý Đôn (1726 - 1784) viết “*Nghệ Văn Chí*” mới thấy xuất hiện tên gọi *Bạch Vân quốc ngữ thi*. Nhưng có thể là tên gọi *Bạch Vân thi tập* đã được phổ biến sâu rộng trong dân gian.

Hai bản B, C có số lượng bài như nhau, 100 bài, trật tự ghi chép cũng không có gì khác nhau. Tuy nhiên, bản B ghi lại được nhiều từ cổ hơn bản C. Điều này cho thấy, bản C được sao chép muộn hơn bản B và bản C có thể bắt nguồn từ bản B. Bản C cho thấy những từ cổ trở nên khó hiểu đối với người đương thời đã được thay thế bằng những từ mới dễ hiểu hơn. Bản C có lẽ là sản phẩm do Viện Viễn đông bác cổ Pháp thuê chép về sau.

Đem so sánh hai bản B, C với bản A thì tình hình có khác: bản A ghi chép được 178 bài, nghĩa là có tới 78 bài mới so với hai bản B, C. Trật tự sắp xếp, số bài, số câu dài ngắn trong một số bài, về ngôn ngữ, văn tự cũng có những điểm khác biệt so với các bản B, C. Điều này cho thấy, bản A không có cùng nguồn gốc với hai bản B, C. Bản A còn ghi chép được khá nhiều mã chữ Nôm cổ, từ ngữ cổ chứng tỏ văn bản này tuy ra đời muộn (khoảng thời Tự Đức) nhưng có lẽ nó được sao chép từ một văn bản có niên đại sớm hơn nhiều. Có khả năng, bản A gần với văn bản được nhắc tới trong “*Văn tịch chí*” sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú hơn những bản khác.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong ba dị bản nêu trên thì chỉ có bản A ghi chép được nhiều nhất thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm. Tuy nhiên khi sử dụng văn bản này, chúng tôi không thể bỏ qua khâu chỉnh lý, sắp xếp bởi sự lộn xộn của văn bản và về phần nội dung có chép lẫn thơ của nhiều tác giả khác.

4/TÌNH HÌNH PHIÊN ÂM CHÚ GIẢI VĂN BẢN BẠCH VÂN THI TẬP TỪ TRƯỚC TỚI NAY.

- *Bạch Vân thi tập*. Tạp chí Nam Phong, từ số 14 đến số 37, năm 1918-1920, có in rải rác các bài thơ nôm của Nguyễn Bình Khiêm.
- Hoàng Xuân Hãn, Nghiêm Toản, *Thi văn Việt nam*. Nxb Sông Nhị, tr.110-121. Trích in 14 bài thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm.
- Hoàng Xuân Hãn. *La Sơn Yên hồ Hoàng Xuân Hãn*, T.III. Nxb Giáo dục, H, 1998, tr.122- 133. giới thiệu cuộc đời, tác phẩm và 14 bài thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm.
- *Hợp tuyển thơ văn Việt nam* (thế kỷ X- thế kỷ XVII), T.II, Nxb. Văn hoá, H, 1962, tr. 406- 609, tuyển 13 bài thơ Nôm, 23 bài thơ chữ Hán và bài Trung Tân quán bi ký.
- Paul Schneider. *Nguyễn Bình Khiêm, người phát ngôn của đạo đức phổ thông*. Tập san Hiệp hội nghiên cứu về Đông Dương, S., số 4- 1974. Phiên âm bản Nôm *Bạch Vân thi tập* ra quốc ngữ. Dịch *Bạch Vân thi tập* ra tiếng Pháp, kèm theo phân chú thích từ ngữ, văn liệu cổ và đối chiếu *Bạch Vân thi tập* (Nôm) của Nguyễn Bình Khiêm với *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi. In thêm nguyên bản chữ Nôm (bản AB. 309).
- Sở công Lê Dư. Quốc học tùng san, đệ nhất tập. Nam ký thư quán xuất bản, H., 1930, 53 trang, giới thiệu *Bạch Vân am thi văn tập* (Tập sấm ký văn thơ của ông Trạng Trình) gồm các phần: Lược truyện ông Trạng Trình. Bạch

Văn thi tập gồm 96 bài thơ Nôm, mấy bài văn trường thiên, một số thơ lục bát và chữ Hán.

- *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*, Nxb Văn học, H., 1983, 340 tr. Đinh Gia Khánh giới thiệu, Hồ Như Sơn biên soạn phần thơ Nôm (chọn 161 bài). Đinh Gia Khánh và Bùi Duy Tân biên soạn phần thơ văn chữ Hán (chọn 93 bài thơ, 3 bài văn)
- *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*, Nxb Giáo dục, 1989. Bùi Văn Nguyên phiên âm- Chú thích- Giới thiệu. Tập 1: *Bạch Vân quốc ngữ thi tập*. Bùi Văn Nguyên phiên âm được 177 bài thơ Nôm của tác giả Nguyễn Bình Khiêm.
- *Tổng tập văn học Việt nam*, T.6. Bùi Duy Tân chủ biên. Nxb Khoa học xã hội, H., 1997, tr.390-626. Tuyển chọn 90 bài trong *Bạch Vân quốc ngữ thi*, 86 bài trong *Bạch Vân am thi tập*.
- Trần Trung Viên. *Văn Đàn bảo giám*, Nxb Nam Ký, H., 1932. Nxb Mặc Lâm tái bản, S., 1968, tr.1 Q.III, Tr. 18 và 181-182 QIV. In 3 bài thơ nôm Nguyễn Bình Khiêm và một bài văn Trung tân quán bi ký.

Như vậy là từ trước đến nay, bản phiên âm được nhiều nhất số lượng thơ Nôm của ông phải kể đến bản *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*, (Nxb Văn học, H. , 1983), Hồ Như Sơn biên soạn phần thơ Nôm, chọn được 161 bài và Bùi Văn Nguyên trong *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*, tập 1: *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* đã phiên âm, chú thích, giới thiệu 177 bài thơ Nôm.

Theo kết quả thống kê hiện nay, trong BVTT có khoảng 30 bài trùng với *QẮTT* của Nguyễn Trãi, 21 bài (từ bài 174 trở đi) trùng với *Sô Nghiêu đối thoại*, một vài bài trùng với *HĐQẮTT* của Lê Thánh Tông và các tác gia thời Hồng Đức hay *Ngự đề Thiên hoà danh bách vịnh* của Trịnh Căn... Vậy thực sự BVTT còn lại bao nhiêu bài, làm thế nào để trả những bài trùng lặp về với đúng tác giả đích thực của nó là một vấn đề đã và đang được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm.

5/ VỀ NHỮNG BÀI TRÙNG VỚI QUỐC ÂM THI TẬP CỦA NGUYỄN TRÃI

Từ tập thơ Nguyễn Trãi *Quốc âm thi tập*, nguyên viết bằng chữ Nôm, tức quyển VII trong sách *Ơc Trai thi tập*, in năm 1868, bản gốc Phúc Khê. Theo Lê Văn Quán, “Nghiên cứu về chữ Nôm” thì về mặt văn bản, rõ ràng văn bản này không phải là nguyên bản của tác giả. Vì sau khi Nguyễn Trãi chết với cái án tru di tam tộc, những tác phẩm của ông đều đã bị thiêu huỷ, mất mát. Tác phẩm *Quốc âm thi tập* còn lại đến ngày nay là do người đời sau sưu tầm và xếp lại theo từng môn loại như Thủ vĩ ngâm, Ngôn chí, Mạn thuật, Trần tình, Hoa mộc môn, Cầm thú môn...

Văn bản Nôm của Nguyễn Bình Khiêm cũng rơi vào tình trạng tương tự như vậy. Hiện nay, chúng tôi không tìm thấy một bản thơ Nôm nào được khắc lại, theo những tài liệu cho biết, thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm chưa từng được khắc in. Vậy, cho đến nay chỉ còn bản chép tay tìm thấy ở Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm ở Hà Nội (chúng tôi đã đi khảo sát ở Thư viện Quốc gia Việt Nam tại Hà Nội nhưng không tìm thấy một văn bản chép thơ Nôm nào của tác giả Nguyễn Bình Khiêm). Hiện nay chỉ còn 3 bản ghi chép lại thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm như chúng tôi đã mô tả ở trên được tìm thấy ở Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm tại Hà Nội. Bản AB.635 cho đến nay là bản duy nhất còn lại ghi chép được nhiều nhất thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm mà chúng tôi tìm thấy được.

Theo ý kiến của GS. Bùi Duy Tân: “Bản thơ Nôm Trần Khắc Kiệm không còn, mà thời gian định hình QÂTT là bản Phúc Khê 1868, nên thơ của nhiều tác giả trước năm này ngược lên đến Trần Khắc Kiệm (1480) đều có thể lạc vào QÂTT. Các học giả đưa ra hai cách nhằm phân biệt thơ Nôm Nguyễn Trãi và Nguyễn Bình Khiêm, hai tác giả có khoảng 30 bài thơ trùng nhau”. Theo Bùi Duy Tân, “cách thứ nhất, có thể xem là cách đối chiếu cơ giới giản đơn của hầu hết các bản in QÂTT, từ bản Trần Văn Giáp đến bản Đào Duy Anh và gần đây là bản Tân biên. Cách làm này là tìm ra những bản,

những câu trùng lặp giữa hai tập thơ Nôm của hai tác giả, rồi nêu lên trong phần khảo dị rằng bài này, câu này có trong thơ của Nguyễn Trãi, nhằm cung cấp cho độc giả những thông báo giản đơn, chứ không trả những bài thơ này cho tác giả đích thực của nó. Bùi Văn Nguyên có cách làm tinh tế hơn. Ông thống kê hai tập thơ nôm, tìm ra 33 bài trùng nhau, ít thì 1 câu, nhiều thì 8 câu, trong đó có 9 bài trùng từ 1 câu đến 7 câu và 24 bài trùng cả 8 câu, trừ một số chữ sai biệt không đáng kể. Bùi Văn Nguyên cho rằng: có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự trùng lặp, nhưng thơ Nguyễn Trãi có trước không thể trùng lặp với thơ của Nguyễn Bỉnh Khiêm có sau hàng thế kỷ. Bản Phúc Khê 1868 do Dương Bá Cung sưu tập vốn đã có mục đề rõ ràng như Ngôn Chí, Mạn Thuật, Tự Thán... tạo thành những chùm thơ hoàn chỉnh, không thể rải ra lung tung thiếu trật tự như trong thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm. Tuy nhiên, nếu có đọc thơ Nguyễn Trãi rồi chịu ảnh hưởng khi sáng tác thì cũng chỉ giới hạn ở 9 bài, còn 24 bài trùng cả 8 câu thì không liên quan gì đến thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, 24 bài đó hoàn toàn là thơ Nguyễn Trãi”. Bùi Duy Tân cho rằng: kiến giải của Bùi Văn Nguyên chỉ đúng vững khi bản Phúc Khê Dương Bá Cung (1868) chính là bản của Trần Khắc Kiệm để lại thì mới định hình văn bản trước bản nôm Nguyễn Bỉnh Khiêm và mới không trùng với thơ của người làm sau. Dương Bá Cung không nói, khi ông đưa in thì in theo bản nào, bản Trần Khắc Kiệm còn lại, hay một bản chép tay ở thời sau, sau cả những bản chép tay thơ Nôm Nguyễn Bỉnh Khiêm. Cho đến bây giờ, những bản chép thơ Nôm của hai tác giả còn lại đều là bản sao chép lại từ đời sau. Lý do để hai tập thơ lẫn lộn vào nhau là do, từ sau khi Nguyễn Bỉnh Khiêm qua đời (1585) đến trước khi bản Phúc Khê được in năm 1868, khoảng ba bốn trăm năm, có quá nhiều thời gian để hai tập thơ có thể lẫn lộn vào nhau”.

Chúng tôi theo phương pháp làm việc của Nguyễn Tài Cẩn trong bài: *Thử tìm cách xác định tác giả một số bài thơ hiện chưa rõ của Nguyễn Trãi hay Nguyễn Bỉnh Khiêm* (Tạp chí Văn học số 3-1986) và tiếp sau là học trò

của ông, TS. Nguyễn Văn Hiệp qua bài: *Bằng phương pháp ngôn ngữ học, tiếp tục giám định một số bài thơ chưa rõ là của Nguyễn Trãi hay của Nguyễn Bình Khiêm* (Tạp chí Khoa học- Đại học tổng hợp Hà nội- số 3-1989). “Hai thầy trò đều phải công nhận, văn bản của hai tác phẩm Nôm Nguyễn Trãi và Nguyễn Bình Khiêm đều song song tồn tại và có thể sao chép lẫn lộn của nhau. Sau mới dựa vào phương pháp ngôn ngữ học để “đi tìm các thói quen cá biệt của mỗi tác giả trong việc sử dụng ngôn ngữ” để khu biệt thơ của Nguyễn Trãi và của Nguyễn Bình Khiêm. Kết quả cho thấy, trong số 27 bài thơ Nôm trùng lặp ở hai tác phẩm thì có 18 bài là của Nguyễn Trãi và 9 bài là của Nguyễn Bình Khiêm”.

Theo Lê Văn Quán trong “Nghiên cứu về chữ Nôm”, đặc điểm về chữ Nôm cổ của chúng ta hiện có cũng không rõ ràng lắm. Vì các văn bản nôm của chúng ta đều là những văn bản sao, dạng chữ Nôm hiện có trong các văn bản ở các thời kỳ lại không cho chúng ta một ranh giới rõ ràng. Như chữ “tay”, trong *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* viết là 𢦏 thì ở bản *Thập tam phương gia giám* tương truyền là của Tuệ Tĩnh xuất hiện ở thế kỷ XVII cũng viết như vậy.

Tiếp nối những thành tựu từ *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, *Hồng Đức quốc âm thi tập* của Lê Thánh Tông và các tác gia thời Hồng Đức, *Bạch Vân quốc ngữ thi* của Nguyễn Bình Khiêm là một sự kế thừa thành công. Thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm tiếp nối những thành tựu thơ Tiếng Việt của dân tộc, thêm một lần ông khẳng định ưu thế của thơ Nôm —Tiếng Việt trong việc phản ánh tâm tư tình cảm của người Việt buổi đương thời.

Nguyễn Bình Khiêm làm thơ theo nhiều thể tài. Thơ chữ Hán của ông có thất ngôn, ngũ ngôn, cổ thể hoặc Đường luật... nói chung vẫn là những đề tài truyền thống trong văn học chữ Hán. Với thơ Nôm của ông, phong cách

độc đáo thể hiện rõ hơn. Ông đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển của văn thơ Nôm trong dòng văn học trung đại Việt Nam.

Qua nội dung tập thơ Nôm *Trình Quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập* với trên một trăm bảy chục bài thơ Nôm phản ánh đầy đủ những góc cạnh khác nhau từ cái nhìn của nhà thơ về những vấn đề của cuộc sống, chúng ta cũng thấy được tài năng thi ca của tác giả sung sức đến độ nào. Ở đây, chúng tôi nhấn mạnh đến giá trị tập thơ Nôm của ông trong tiến trình lịch sử của nền văn học viết bằng chữ Nôm. Cùng với *Quốc âm thi tập* của thi hào Nguyễn Trãi, *Hồng Đức quốc âm thi tập* của Lê Thánh Tông và các tác gia thời Hồng Đức, *Trình Quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập* là một dấu son, một thành tựu kế thừa được những cái hay cái đẹp từ QÂTT và Nguyễn Bình Khiêm là một bước tiếp nối, một sự chuyển đổi để văn học viết bằng chữ Nôm tiếp tục phát triển rực rỡ ở những thế kỷ sau bằng tập thơ Nôm dày dặn của mình. Thật tiếc, đến nay, chúng ta không còn nguyên bản gốc để biết được chính thức ông đã sáng tác được bao nhiêu bài thơ Nôm. Công việc phiên âm thơ Nôm của ông chỉ được dựa trên bản sao chép lại của những người thời sau ông. Như vậy, sự thêm vào hoặc bớt đi theo ý chủ quan của người sao chép cũng là chuyện bình thường.

Cũng như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm đem tài học của mình ra giúp dân giúp nước. Nhưng cả hai ông đều tự lánh thân khỏi chốn triều đình, nguyện sống một cuộc đời thanh bần, giản dị, không ham công danh phú quý mà để mất đi chí khí, danh tiết của mình. Nguyễn Bình Khiêm đã sống một cuộc đời không lo lắng, không bon chen lợi danh, gần gũi thiên nhiên, gần gũi với người dân lao động. Toàn bộ những tác phẩm của nhà thơ còn để lại cả chữ Hán và chữ Nôm là tiếng nói của một người ưu thời mẫn thế. Qua thơ văn ông, phần nào chúng ta cũng đã thấy được tấm lòng sốt sắng với dân với nước của tác giả- một nhà nho nhập thế hành đạo, chúng ta cũng thấy được

thân thế, sự nghiệp, quan niệm hành - tàng, xuất - xử của Nguyễn Bình Khiêm- nhà trí thức lớn nhất của thế kỷ XVI.

Nhà Nghiên cứu Nguyễn Huệ Chi đã nhận xét: “ Từ mạch thơ trữ tình thế sự, lên án gay gắt cảnh loạn lạc, chiến tranh đến mạch thơ nhàn dật tự tại trong thơ Nguyễn Bình Khiêm đã là một sự chuyển đổi về cảm hứng thẩm mỹ. Từ nhàn dật tự tại bước sang dòng thơ tư duy thế sự lại là một bước chuyển mới. Nó chứng tỏ trường thơ Nguyễn Bình Khiêm rất sung sức, đa dạng, chứa đựng một tiềm năng nghệ thuật đáng kể, có khả năng bắt nhiều mạch sống tình cảm, quy tụ vào mình nhiều nguồn năng lực khác nhau. Đó là cơ sở để xác nhận vị trí của Nguyễn Bình Khiêm trong lịch sử thơ ca, lịch sử văn học dân tộc và cũng là lý do quan trọng để chúng ta nhìn nhận đánh giá tư cách của một danh nhân văn hoá- Nguyễn Bình Khiêm” .

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh: *Chữ Nôm- nguồn gốc cấu tạo, diễn biến*. Nxb Khoa học xã hội, 1975.
2. Nguyễn Tài Cẩn: *Một số vấn đề về chữ Nôm*. Nxb Đại học & Trung học chuyên nghiệp, 1985.
3. Trần Văn Giáp: *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*. Tập 1, Nxb Văn hoá 1984.
Tập 2 Nxb Khoa học xã hội 1990.
4. Lê Văn Quán: *Nghiên cứu về chữ Nôm*. Nxb Khoa học xã hội, 1981.
5. Bùi Duy Tân: *Khảo và luận một số tác gia- tác phẩm văn học trung đại Việt Nam*. Tập 1 Nxb Giáo dục. Tập 2 Nxb Đại học quốc gia 2001.
6. Trần Thị Băng Thanh- Vũ Thanh: *Nguyễn Bình Khiêm về tác gia và tác phẩm*. Nxb Giáo dục 2001.